

Số: 525/QĐ-SYT

Trà Vinh, ngày 15 tháng 5 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh
được thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Trà Cú**

GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ TỈNH TRÀ VINH

Căn cứ Quyết định số 07/2023/QĐ-UBND ngày 28/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Thông tư số 43/2013/TT-BYT ngày 11/12/2013 của Bộ Y tế về việc Quy định chi tiết phân tuyến chuyên môn kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở KB, CB;

Căn cứ Thông tư số 21/2017/TT-BYT ngày 10/5/2017 của Bộ Y tế về việc bổ sung danh mục kỹ thuật cho Thông tư số 43/2013/TT-BYT;

Căn cứ Thông tư 39/2017/TT-BYT, ngày 18/10/2017 của Bộ Y tế quy định gói dịch vụ y tế cơ bản cho tuyến y tế cơ sở;

Xét Đề nghị số 07/ĐN-TTYT ngày 10/4/2023 của Trung tâm Y tế huyện Trà Cú về bổ sung danh mục kỹ thuật của Trung tâm Y tế huyện Trà Cú;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung 54 danh mục phân tuyến chuyên môn, kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được thực hiện tại Trung tâm Y tế huyện Trà Cú (có danh mục kèm theo).

Điều 2. Trung tâm Y tế huyện Trà Cú chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện danh mục phân tuyến chuyên môn, kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh theo đúng quy trình chuyên môn kỹ thuật do Bộ Y tế quy định. Danh mục kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh được phê duyệt là cơ sở để BHYT thanh toán và chuyển tuyến.

Điều 3. Các Ông Trưởng phòng Nghiệp vụ Y Sở Y tế, các Phòng có liên quan, Chánh Thanh tra Sở Y tế, Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Trà Cú căn cứ quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BHXH tỉnh (phối hợp);
- Thanh tra Sở Y tế;
- Lưu: VT, NVY.

D:\quang\phan tuyen ky thuat 43 da xong\2023\QD_phe duy et 54 danh muc ky thuat TTYT. Tra Cu.doc

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Nguyễn Hữu Phước

DANH MỤC KỸ THUẬT TRONG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH
ĐƯỢC THỰC HIỆN TẠI TTYT. Huyện Trà Cu
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 525/QĐ-SYT ngày 15/5/2023)

Số TT	Số TT 43,21,39 BYT	Danh mục kỹ thuật	Phân tuyến			BVĐK thực hiện
			A	B	C	
		CHƯƠNG I. HỒI SỨC CẤP CỨU VÀ CHỐNG ĐỘC				
		A. TUẦN HOÀN				
1	8	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	x	x	x	X
2	19	Siêu âm Doppler mạch cấp cứu tại giường	x	x	x	X
3	36	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	x	x	x	X
		B. HÔ HẤP				
4	72	Mở khí quản qua màng nhân giáp	x	x	x	X
5	81	Đánh giá mức độ nặng của cơn hen phế quản bằng peak flow meter	x	x	x	X
6	82	Đánh giá mức độ nặng của COPD bằng FEV1 (một lần)	x	x	x	X
7	89	Đặt canuyn mở khí quản 02 nòng	x	x	x	X
		D. TIÊU HOA				
8	222	Thụt giữ	x	x	x	X
9	238	Đo áp lực ổ bụng	x	x	x	X
		E. TOÀN THÂN				
10	251	Lấy máu tĩnh mạch, tiêm thuốc tĩnh mạch (một lần chọc kim qua da)	x	x	x	X
11	254	Truyền máu và các chế phẩm máu	x	x	x	X
12	268	Phục hồi chức năng vận động, nói, nuốt cho người bệnh cấp cứu ≤ 8 giờ	x	x	x	X
		G. XÉT NGHIỆM				
13	287	Đo lactat trong máu	x	x	x	X
14	288	Định tính chất độc bằng test nhanh – một lần	x	x	x	X
		H. THĂM DO KHÁC				
15	304	Chụp X quang cấp cứu tại giường	x	x	x	X
	TT21	I. HÔ HẤP				

16	306 (TT21)	Đo áp lực của bóng chèn ở bệnh nhân đặt nội khí quản hoặc mở khí quản	x	x	x	X
17	312 (TT21)	Thông khí nhân tạo nằm sấp trong hội chứng suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS)	x	x		X
	(TT21)	L. TIẾT NIỆU VÀ LỌC MÁU				
18	333 (TT21)	Chăm sóc catheter tĩnh mạch đùi ở bệnh nhân hồi sức cấp cứu	x	x	x	X
	(TT21)	M. THẬN KINH				
19	345 (TT21)	Điều trị an thần giãn cơ < 8 giờ trong hồi sức cấp cứu và chống độc	x	x	x	X
		O. TIÊU HÓA				
20	357 (TT21)	Chọc tháo dịch ổ bụng dưới hướng dẫn của siêu âm trong khoa hồi sức cấp cứu	x	x	x	X
21	360 (TT21)	Theo dõi liên tục áp lực ổ bụng gián tiếp qua bàng quang	x	x	x	X
		P. CHỐNG ĐỘC				
22	368 (TT21)	Xử lý mẫu xét nghiệm độc chất	x	x	x	X
	CHƯƠNG X. NGOẠI KHOA					
		E. THÀNH BỤNG – CƠ HOÀNH – PHÚC MẠC				
		1. Thành bụng - cơ hoành				
23	687	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	x	x	x	X
	CHƯƠNG XVIII. ĐIỆN QUANG					
		B. CHỤP XQUANG CHẨN ĐOÁN THƯỜNG QUY HOẶC KỸ THUẬT SỐ (CR hoặc DR)				
		1. Chụp Xquang chẩn đoán thường quy				
24	127	Chụp Xquang tại giường	x	x	x	X
	CHƯƠNG XX. NỘI SOI CHẨN ĐOÁN, CAN THIỆP					
		Đ. TIÊU HOÁ- Ổ BỤNG				

X.H.O.
SỞ
Y TẾ
THA

25	79	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng kết hợp sinh thiết	x	x		X
26	80	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng	x	x	x	X
	CHƯƠNG XXI. THĂM DO CHỨC NĂNG					
		B. HÔ HẤP				
27	101	Đo hô hấp ký	x	x		X
	CHƯƠNG XXII. HUYẾT HỌC - TRUYỀN MÁU					
		C. TẾ BÀO HỌC				
28	121	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (máy đếm lazer)	x	x	x	X
29	125	Huyết đồ (bằng máy đếm lazer)	x	x	x	X
30	135	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm lazer)	x	x		X
	CHƯƠNG XXIII. HÓA SINH					
		B. NƯỚC TIỂU				
31	196	Định tính Heroin (test nhanh)	x	x	x	X
	CHƯƠNG XXIV. VI SINH					
		A. VI KHUẨN				
		1. Vi khuẩn chung				
32	3	Vi khuẩn nuôi cấy và định danh phương pháp thông thường	x	x	x	X
33	10	Vi khuẩn kỵ khí nuôi cấy và định danh	x	x		X
	XXVII. PHẪU THUẬT NỘI SOI					
		D. BỤNG – TIÊU HÓA				
		2. Dạ dày				
34	142	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	x	x		X
		9. Đường mật				

35	273	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	x	x	x	X
Tên theo Danh mục giá Thông tư 39/2018/TT-BYT						
36	206	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài ≤ 15 cm	x	x	x	X
37	207	Thay băng vết thương chiều dài trên 15cm đến 30 cm	x	x	x	X
38	209	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm	x	x	x	X
39	210	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng	x	x	x	X
40	211	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng	x	x	x	X
41	212	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài > 50 cm nhiễm trùng	x	x	x	X
42	573	Rút đinh hoặc tháo phương tiện kết hợp xương	x	x	x	X
43	514	Cắt phimosis	x	x	x	X
44	212	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài > 50 cm nhiễm trùng	x	x	x	X
45	211	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ 30 cm đến 50 cm nhiễm trùng	x	x	x	X
46	210	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ trên 15 cm đến 30 cm nhiễm trùng	x	x	x	X
47	209	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài từ trên 30 cm đến 50 cm	x	x	x	X
48	207	Thay băng vết thương chiều dài trên 15cm đến 30 cm	x	x	x	X
49	206	Thay băng vết thương hoặc mô chiều dài ≤ 15 cm	x	x	x	X
50	224	Khâu vết thương phần mềm tổn thương nông chiều dài ≥ 10 cm	x	x	x	X
51	226	Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài ≥ 10 cm	x	x	x	X
52	225	Khâu vết thương phần mềm tổn thương sâu chiều dài < 10 cm	x	x	x	X



53	223	Khâu vết thương phân mềm tôn thương nông chiều dài < 10 cm	x	x	x	X
54	78	Cắt chỉ	x	x	x	X

Tổng cộng: 54 danh mục kỹ thuật được phê duyệt bổ sung.